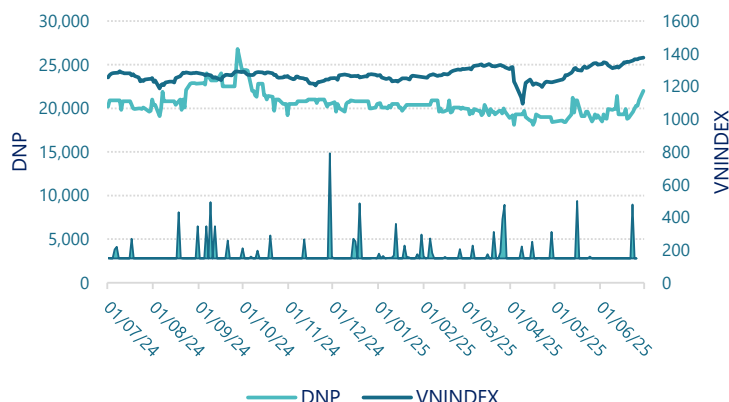


CTCP DNP Holding (HNX: DNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,100
SL cổ phiếu LH	140,966,036
KLGD BQ 20 phiên (CP)	171,095
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,101
P/E	48.7
EPS	452

DT thuần

Q2/25

2,627

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 552 | 26.6%

YoY: ▲ 369 | 16.3%

LN sau thuế

Q2/25

62.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.3 | 587%

YoY: ▲ 12.6 | 25.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.2%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

6T 2025

4,702

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 673 | 16.7%

LN sau thuế

6T 2025

71.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.6 | 27.9%

ROE

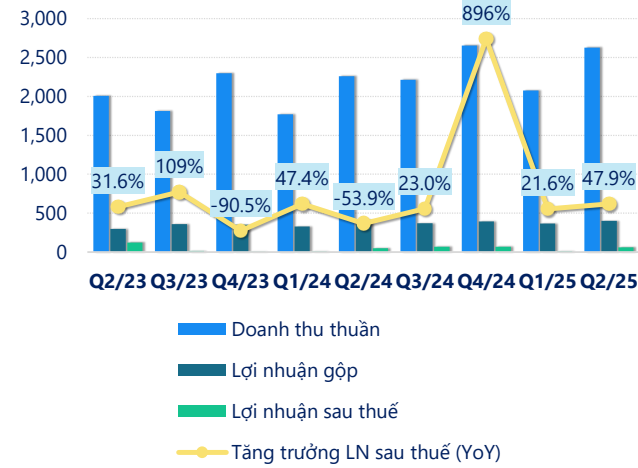
Q2/25

1.1%

+/- YoY: ▲ 0.7%

tỷ VNĐ

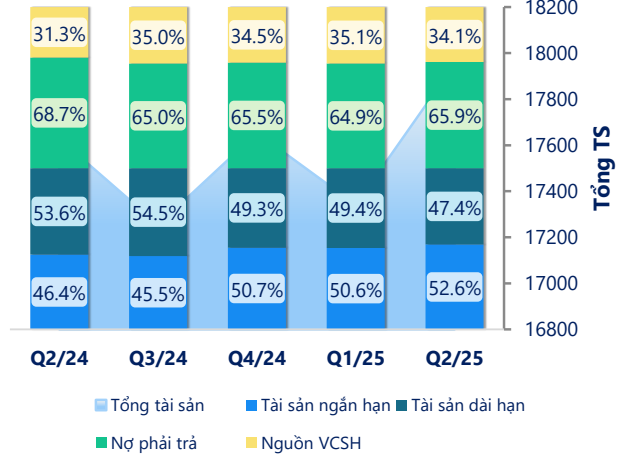
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

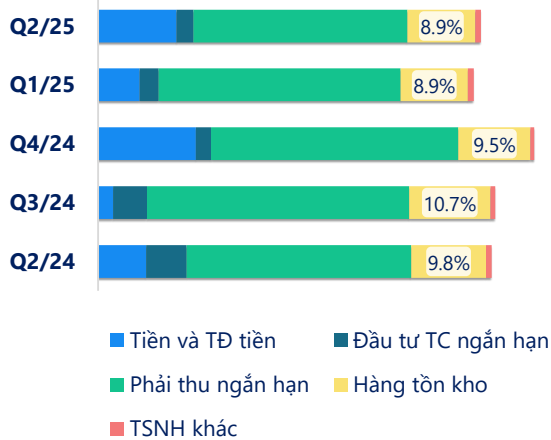
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



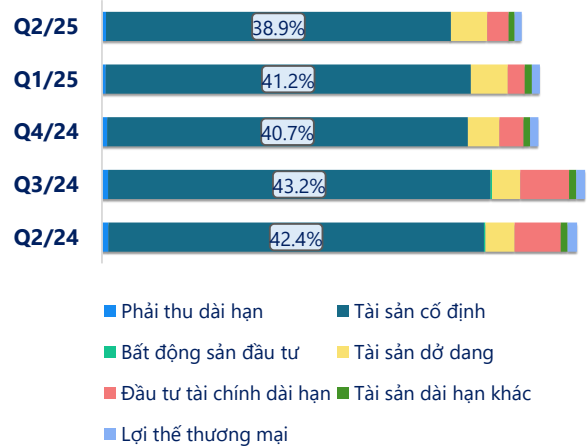
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

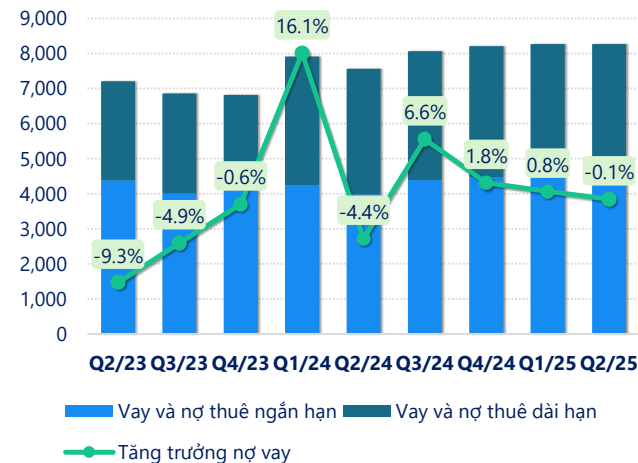
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

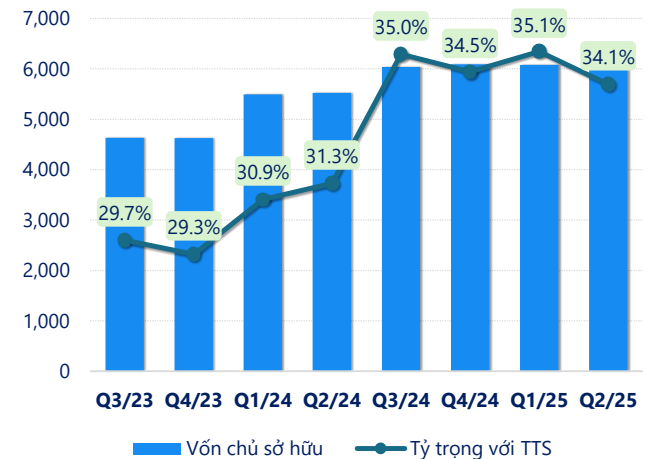
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

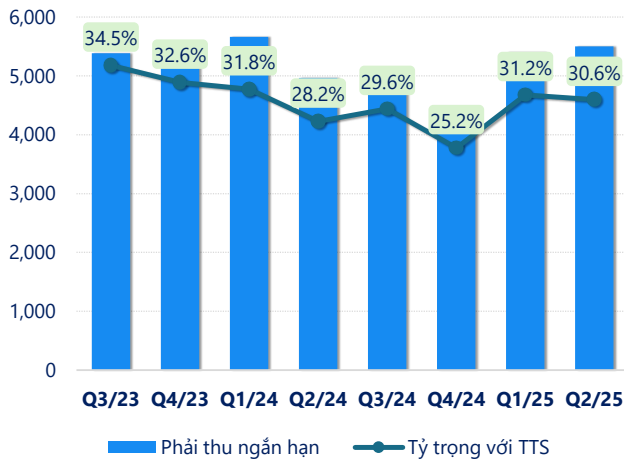
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



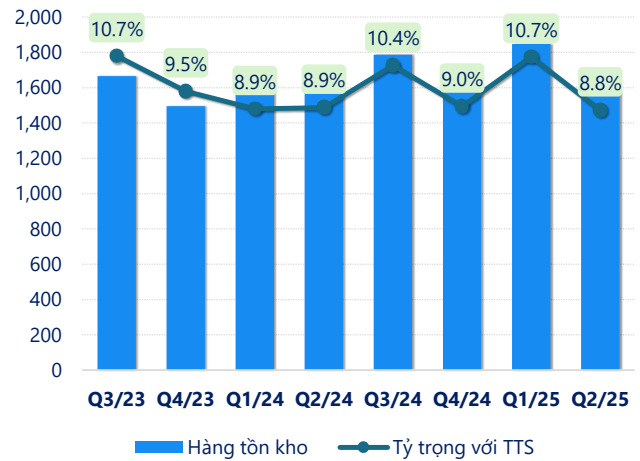
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


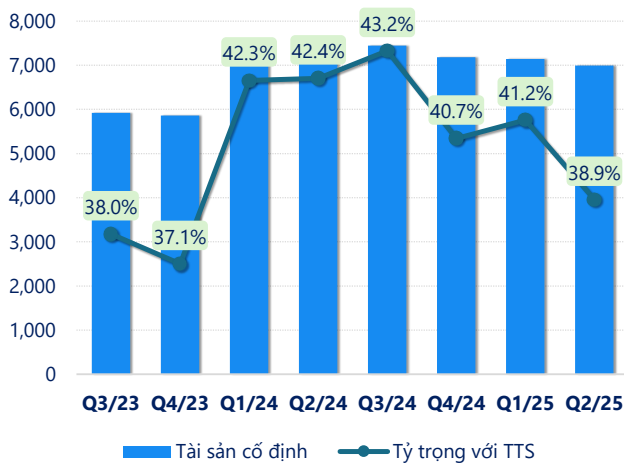
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


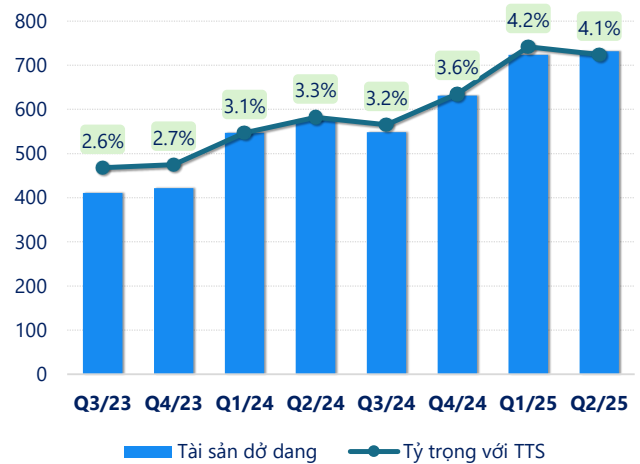
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

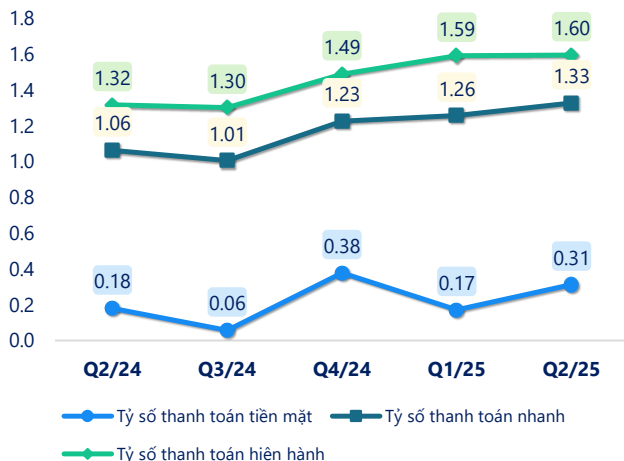
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

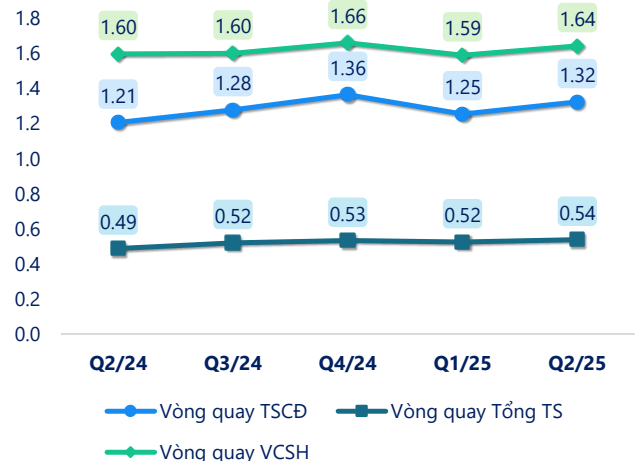
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	17,628	17,254	17,654	17,341	17,953
Tài sản ngắn hạn	8,179	7,848	8,959	8,773	9,448
Tiền và tương đương tiền	1,116	341	2,274	946	1,855
Đầu tư tài chính ngắn hạn	393	484	492	364	350
Phải thu ngắn hạn	4,966	5,109	4,443	5,407	5,500
Hàng tồn kho	1,573	1,786	1,582	1,847	1,586
Tài sản ngắn hạn khác	131	128	168	208	157
Tài sản dài hạn	9,449	9,406	8,695	8,568	8,505
Phải thu dài hạn	127	118	106	72.1	79.4
Tài sản cố định	7,471	7,447	7,182	7,145	6,992
Bất động sản đầu tư	30.1	29.9	0	0	0
Tài sản dở dang	577	549	631	724	732
Đầu tư tài chính dài hạn	922	951	477	330	433
Tài sản dài hạn khác	135	136	131	139	124
Lợi thế thương mại	187	176	168	158	145
Nợ phải trả	12,106	11,218	11,565	11,261	11,824
Nợ ngắn hạn	6,212	6,029	6,018	5,509	5,922
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,977	4,385	4,471	4,489	4,508
Phải trả người bán ngắn hạn	1,178	727	764	574	784
Nợ dài hạn	5,894	5,190	5,547	5,752	5,902
Vay và nợ thuê dài hạn	3,586	3,678	3,734	3,782	3,758
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,522	6,036	6,089	6,080	6,128
Vốn chủ sở hữu	5,522	6,036	6,089	6,080	6,128
Vốn điều lệ	1,189	1,410	1,410	1,410	1,410
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)